Cơ quan: Ủy ban Nhân dân huyệnThăng Bình, Tỉnh Quảng Nam
Email: thangbinh@quangnam.gov.vn
Thời gian ký: 03.07.2023 11:03:14 +07:00

PHỤ LỤC

NỘI DUNG, TỶ LỆ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN, LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THĂNG BÌNH GIAI ĐOẠN 2023-2025

(Ban hành kèm theo Tờ trình số: 203 /TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2023 của UBND huyện Thăng Bình)

Stt	Nội dung hỗ trợ	Tỷ lệ (%) theo mức hỗ trợ nội dung được cấp thẩm quyền phê duyệt		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn lồng ghép từ các Chương trình, đề án, dự án khác; vốn huy động từ các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề và các nguồn vốn hợp pháp khác
I	**Nội dung, mức hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn (kể cả ngành nghề nông thôn trong làng nghề, làng nghề truyền thống) theo Điều 5 Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Nam.**			
1	Hỗ trợ di dời cơ sở sản xuất: Các cơ sở ngành nghề nông thôn đang hoạt động trong hoặc ngoài khu dân cư gây ô nhiễm môi trường hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản di dời; khi thực hiện di dời đến các khu, cụm công nghiệp, cụm làng nghề hoặc đến địa điểm quy hoạch được hỗ trợ các chi phí tháo dỡ, bốc xếp, vận chuyển, lắp đặt trang thiết bị, nhà xưởng. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở ngành nghề nông thôn là tổ hợp tác, hộ gia đình và không quá 250 triệu đồng/cơ sở ngành nghề nông thôn là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã.	50	15	35
2	Hỗ trợ xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý môi trường tại cơ sở ngành nghề nông thôn: Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 240 triệu đồng/cơ sở ngành nghề nông thôn.	50	15	35
3	Hỗ trợ lãi suất vốn vay để mua nguyên vật liệu; đầu tư nhà xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ: Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay trong thời hạn 02 năm đầu nhưng không quá 400 triệu đồng/cơ sở ngành nghề nông thôn. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Mức lãi suất hỗ trợ là mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng phát triển Việt Nam.	50	15	35
4	Hỗ trợ mở lớp truyền nghề: Các cơ sở ngành nghề nông thôn trực tiếp mở lớp truyền nghề được hỗ trợ chi phí lớp học. Mức hỗ trợ bằng 100% định mức chi phí đào tạo nghề cấp có thẩm quyền phê duyệt trình độ sơ cấp dưới 03 tháng theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	50	15	35
5	Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho Nghệ sỹ nhân dân, Nghệ nhân ưu tú đang hoạt động ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống: Thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. Mức hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm, kể từ ngày thụ hưởng chính sách.	50	15	35
II	**Nội dung, mức hỗ trợ phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống** *(Điều 6 Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Nam)*			
	Hỗ trợ tổ chức lễ đón nhận Bằng công nhận và xây dựng cổng chào hoặc biển quảng bá sản phẩm nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận hoặc ủy quyền công nhận.			
1	Nghề truyền thống: Mức hỗ trợ 45 triệu đồng/nghề.	50	15	35
2	Làng nghề: Mức hỗ trợ 75 triệu đồng/làng nghề.	50	15	35
3	Làng nghề truyền thống: Mức hỗ trợ 90 triệu đồng/làng nghề	50	15	35
III	**Nội dung, mức chi hỗ trợ quản lý Chương trình phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề** *(Điều 7 Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Nam)*			
	Phân bổ, sử dụng tối đa 1,5% kinh phí do cấp có thẩm quyền giao hằng năm để hỗ trợ triển khai thực hiện các hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, chi khác *(nếu có).*	50	15	35